

Bản án số: 74/2019/HS-PT
Ngày 15-10-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Long Kiềm.

Các Thẩm phán: Ông Lộc Sơn Thái;

Bà Nguyễn Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Lương Thị Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 101/2019/TLPT-HS ngày 06 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Thị N cùng đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 43/2019/HS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thị N, sinh ngày 22/12/1974 tại thị xã S, thành phố Hà Nội. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã C, thị xã S, thành phố Hà Nội; chỗ ở: Thôn N, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Chu Thị D; có chồng là Nông Văn K và 03 con; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/3/2019 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Nguyễn Văn B, sinh ngày 26/10/1957 tại thị xã S, thành phố Hà Nội. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn X, xã V, huyện B, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 05/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị M; có vợ là Hoàng Thị Q và 03 con; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo tại ngoại; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị N làm nghề may, làm hàng mã tại nhà không có thẩm quyền, không có khả năng tác động đến người có thẩm quyền quyết định tuyển dụng viên chức hoặc ký hợp đồng lao động làm giáo viên. Do muốn kiếm tiền nên Nguyễn Thị N tự giới thiệu có người quen làm công tác tuyển sinh ở thành phố Hà Nội, ở Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lạng Sơn, ở Bộ Công an và có khả năng “chạy” xin việc làm giáo viên (trúng tuyển), nếu ai có nhu cầu thì phải đưa tiền cho Nguyễn Thị N. Do có người giới thiệu, tháng 8 năm 2016 Lý Thị T, gọi điện thoại cho Nguyễn Thị N trao đổi “chạy” xin việc giáo viên thể dục tại tỉnh Lạng Sơn. Nguyễn Thị N trả lời “chạy được” và nói phải đưa trước 50.000.000 đồng, nếu không trúng tuyển thì trả lại tiền. Theo hướng dẫn của Nguyễn Thị N, trong tháng 8 năm 2016 Lý Thị T đã chuyển 30.000.000 đồng và 02 bộ hồ sơ dự tuyển viên chức giáo viên cho Nguyễn Thị N. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn không có tiền chuyển tiếp nên tháng 12 năm 2016, Lý Thị T gọi điện thoại cho Nguyễn Thị N trao đổi không “chạy” xin việc nữa và đòi lại tiền, Nguyễn Thị N đã yêu cầu Lý Thị T viết đơn xin hủy hợp đồng nhưng không trả lại tiền. Do Lý Thị T đòi nhiều lần nên Nguyễn Thị N đã trả lại tổng số tiền 10.300.000 đồng.

Do có mối quan hệ họ hàng và ở gần nhà nhau nên tháng 10 năm 2016, Lý Thị T đã giới thiệu cho ông Đỗ Việt X là Nguyễn Thị N có khả năng “chạy” xin việc giáo viên và Lý Thị T cũng đang nhờ Nguyễn Thị N “chạy” xin việc cho mình. Ông Đỗ Việt X gọi điện thoại cho Nguyễn Thị N trao đổi “chạy” làm viên chức giáo viên tại tỉnh Lạng Sơn cho 02 người cháu là Phùng Bích H và Phan Thị L. Nguyễn Thị N trả lời “chạy được” và yêu cầu chuyển trước 100.000.000 đồng/01 người, nếu không trúng tuyển sẽ trả lại tiền. Ông Đỗ Việt X nói lại cho gia đình Phùng Bích H và Phan Thị L biết việc nhờ Nguyễn Thị N “chạy” xin việc thì 02 gia đình đồng ý và nhờ ông Đỗ Việt X đại diện trực tiếp liên lạc với Nguyễn Thị N và theo hướng dẫn của Nguyễn Thị N, ông Đỗ Việt X nhờ Lý Thị T đứng tên chuyển cho Nguyễn Thị N tổng là 100.000.000 đồng và 02 bộ hồ sơ dự tuyển viên chức giáo viên tại tỉnh Lạng Sơn của Phùng Bích H và Phan Thị L. Tháng 10 năm 2016, Phùng Bích H và Phan Thị L tham dự kỳ thi tuyển viên chức giáo viên tại tỉnh Lạng Sơn nhưng không trúng tuyển. Ông Đỗ Việt X liên lạc với Nguyễn Thị N thì Nguyễn Thị N nói sẽ tiếp tục có đợt xét tuyển và yêu cầu ông Đỗ Việt X tiếp tục chuyển tiền. Tháng 11 năm 2016, ông Đỗ Việt X tiếp tục nhờ Lý Thị T chuyển cho Nguyễn Thị N số tiền là 100.000.000 đồng. Tổng cộng ông Đỗ Việt X đã chuyển cho Nguyễn Thị N số tiền là 200.000.000 đồng. Do Phùng Bích H và Phan Thị L vẫn không trúng tuyển viên chức giáo viên nên ông Đỗ Việt X đòi Nguyễn Thị N trả lại tiền và trình báo cơ quan công an. Trong quá trình điều tra, Nguyễn Thị N đã trả lại cho ông Đỗ Việt X số tiền 100.000.000 đồng.

Đối với Nguyễn Văn B làm lái xe, không có thẩm quyền, không có khả năng tác động đến người có thẩm quyền quyết định tuyển dụng viên chức hoặc

ký hợp đồng lao động làm giáo viên. Nhưng có quen biết ông Phạm Duy H là giáo viên nghỉ hưu, đang làm việc tại một Trung tâm liên kết đào tạo tại thành phố Hà Nội. Do được người quen giới thiệu nên Nguyễn Văn B quen biết với Nguyễn Thị N. Khoảng cuối năm 2016, đầu năm 2017, Nguyễn Thị N gọi điện thoại nhờ Nguyễn Văn B xin cho 02 người làm giáo viên tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn, Nguyễn Văn B thấy nếu xin được thì kiếm được tiền và nếu không xin được việc thì không phải chi phí gì nên đã nhận lời và yêu cầu Nguyễn Thị N chuyển trước một số tiền. Khoảng tháng 3 năm 2017, Nguyễn Thị N mang 30.000.000 đồng đến thị xã S để đưa cho Nguyễn Văn B, nhưng do đang nằm điều trị bệnh tại bệnh viện nên Nguyễn Văn B nhờ ông Phạm Xuân N đến gặp và nhận 30.000.000 đồng từ Nguyễn Thị N. Quá trình điều tra, Nguyễn Văn B khai đã chuyển 30.000.000 đồng cho ông Phan Duy H nhưng không biết ông Phan Duy H có đi đâu, gặp ai xin việc giúp hay không, bị cáo có được lái xe đưa ông Phan Duy H đi làm việc nhiều lần nhưng chưa lần nào đưa ông Phan Duy H đến tỉnh Lạng Sơn, đến tháng 01 năm 2018, ông Phan Duy H nói khó xin nên trả lại tiền cho Nguyễn Văn B. Bản thân Nguyễn Văn B cũng không đi đâu hay gặp ai để xin việc giúp Nguyễn Thị N. Tháng 01 năm 2019, do Nguyễn Thị N yêu cầu nên Nguyễn Văn B đã gửi lại Nguyễn Thị N 10.000.000 đồng, còn 20.000.000 đồng sau khi được cơ quan điều tra công an huyện Hữu Lũng gọi lên làm việc, Nguyễn Văn B đã nộp số tiền này tại cơ quan điều tra.

Quá trình điều tra đã xác định được tổng số tiền bị cáo Nguyễn Thị N đã chiếm đoạt được là 230.000.000 đồng và Nguyễn Văn B đã chiếm đoạt được 30.000.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2019/HS-ST ngày 31/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn B phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; 50; 54 Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/3/2019.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, i, s, x khoản 1 Điều 51; Điều 38; 50; 54 Bộ luật Hình sự 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 05 (năm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng và quyền kháng cáo của các bị cáo, bị hại.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định ngày 06/8/2019 bị cáo Nguyễn Văn B có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo; ngày 12/8/2019 bị cáo Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị N rút kháng cáo; bị cáo Nguyễn Văn B giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Với các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm hôm nay thấy Bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là đúng người, đúng tội không oan. Về hình phạt Bản án sơ thẩm đã xem xét đến tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò đồng phạm, đánh giá đầy đủ các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N mức án 5 (năm) năm tù, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 05 (năm) tháng tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị N rút kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị N; bị cáo Nguyễn Văn B đưa ra tình tiết là 03 giấy ra viện thể hiện bị cáo đang phải điều trị thoát vị bẹn; 02 giấy chứng nhận gia đình văn hóa; 01 giấy khen và 02 giấy công nhận đạt danh hiệu "Tuổi cao - gương sáng" của ông Nguyễn Văn M là bố của bị cáo. Những tài liệu bị cáo Nguyễn Văn B xuất trình nêu trên không phải là tình tiết giảm nhẹ theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn B, giữ nguyên nội dung Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn về phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Thị N và Nguyễn Văn B đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản tài sản theo điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự 1999; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Sau xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thị N kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Nguyễn Văn B kháng cáo xin được hưởng án treo.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị N rút toàn bộ kháng cáo. Xét thấy, việc rút kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện, cần chấp nhận việc rút kháng cáo, đình chỉ xét xử phúc thẩm, nội dung về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị N của Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

[3] Cũng tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn B giữ nguyên nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo. Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn B thấy rằng: Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đã xem xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và đã áp dụng đầy đủ quy định của pháp luật theo điểm b, i, s, x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 05 (năm) tháng tù giam là thỏa đáng. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn B xuất trình thêm 03 giấy ra viện thể hiện bị cáo đang phải điều trị thoát vị bẹn; 02 giấy chứng nhận gia đình văn hóa; 01 giấy khen và 02 giấy công nhận đạt danh hiệu "Tuổi cao - gương sáng" của ông Nguyễn Văn M là bố đẻ của bị cáo. Những tài liệu bị cáo Nguyễn Văn B xuất trình nêu trên không phải là tình tiết

giảm nhẹ theo quy định của pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn B gây ra là nguy hiểm cho xã hội gây hoang mang lo lắng trong dư luận quần chúng nhân dân; tội phạm về Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, dùng phương thức thủ đoạn lừa các bị hại dùng tiền để xin việc vào cơ quan Nhà nước, chạy điếm đố trong việc thi công chức là loại thủ đoạn tinh vi và xảo quyệt, làm mất lòng tin của quần chúng, nhân dân đối với các cơ quan, cán bộ Nhà nước. Để phục vụ tình hình Chính trị tại địa phương, đặc biệt là công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm về Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, dùng phương thức thủ đoạn như đã nêu trên của vụ án này, cần xử tù giam mới đủ sức răn đe, phòng, ngừa và giáo dục.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo cho bị cáo được hưởng án treo. Cần giữ nguyên nội dung về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn B của Bản án sơ thẩm.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn B không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Văn B phải chịu án phí hình sự phúc thẩm để sung ngân sách Nhà nước. Bị cáo Nguyễn Thị N rút toàn bộ kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn B, giữ nguyên quyết định về hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2019/HS-ST ngày 31/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đối với bị cáo Nguyễn Văn B, cụ thể như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, i, s, x khoản 1 Điều 51; Điều 38; 50; 54 Bộ luật Hình sự 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 05 (năm) tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 348; Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

2. Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thị N. Nội dung quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2019/HS-ST ngày 31/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đối với bị cáo Nguyễn Thị N có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật (15/10/2019).

3. Về án phí: Căn cứ điểm a, g khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

4. Bị cáo Nguyễn Văn B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm để sung ngân sách Nhà nước; bị cáo Nguyễn Thị N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- TAND H. Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND H. Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS H. H, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an H. Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP, Tòa Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Long Kiếm